

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Phúc

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nay là Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Thanh L, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số B, đường L, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chùa L1; Địa chỉ: Số B, đường L, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Nay là Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên toà có mặt ông C; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên toà, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lâm Thanh L là trụ trì chùa L1, địa chỉ tại số B, đường L, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Đầu năm 2022 thông qua người giới thiệu ông L có đặt vấn đề vay tiền của ông T. Sau khi thỏa thuận vào ngày 24/5/2022 ông T đồng ý cho ông L vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), khi vay ông L trình bày mục đích vay tiền để chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất của ngôi chùa ông L trụ trì; các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày vay và thỏa thuận thời hạn trả cụ thể là ngày 24/5/2023, lãi suất thỏa thuận miệng là 25.000.000 đồng/tháng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Để làm tin ông L có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 818716 cho ông T giữ, các bên không ký hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn vay, mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng ông L vẫn không trả và hẹn lần này đến lần khác.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông L phải trả số tiền vay là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 24/5/2022 cho đến ngày 24/3/2025; tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền giữ nguyên yêu cầu ông L phải trả số tiền nợ vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và thay đổi yêu cầu tính lãi thành yêu cầu tiền lãi chậm trả kể từ ngày 25/5/2023 cho đến ngày 25/8/2025, thời gian 27 tháng, mức lãi 0,83%/tháng với số tiền 112.050.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

Bản thân ông L khi vay tiền và cho đến nay độc thân chưa có vợ con, hiện là trụ trì chùa L1. Thời điểm ông T cho ông L vay tiền là cho cá nhân ông L vay chứ không phải cho chùa L1 vay, việc ông L sử dụng mục của chùa L1 đóng và đưa giấy chứng nhận cho ông T giữ là để làm tin nên ông T chỉ yêu cầu cá nhân ông L phải trả số tiền trên. Ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

Theo hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:

Ông Lâm Thanh L pháp danh Thích Nguyên M, trụ trì chùa L1 tại khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) từ năm 2013 cho đến nay. Năm 2022 ông L có vay của ông Phạm Văn T số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), các bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Mặc dù thỏa thuận vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) nhưng thực tế ông L chỉ nhận 475.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) vì đã trừ 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi tháng đầu tiên; mục đích ông L vay tiền ông T để lo cho cha, mẹ bị bệnh. Sau khi thỏa thuận các bên có lập giấy mượn tiền; chữ ký, chữ viết tại “*Giấy mượn tiền*” do nguyên đơn cung cấp là của ông L. Vì để làm tin ông L đã dùng dấu mộc chùa L1 đóng vào “*Giấy mượn tiền*”. Sau khi vay đến nay ông L chưa trả tiền gốc cho ông T mà chỉ trả tiền lãi mỗi tháng, tổng cộng tiền lãi đã trả được bao nhiêu ông L không nhớ rõ và không có tài liệu, chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án. Từ trước đến nay ông L chưa có vợ, con. Đối với nội dung khởi kiện của ông T, ông L trình bày sẽ trả đủ số tiền gốc cho ông T vào tháng 10 âm lịch năm 2025.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có đơn khởi kiện độc lập, cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L phải trả cho ông T số tiền nợ vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 25/5/2023 cho đến ngày 25/8/2025 theo mức lãi suất 0,83%/tháng như yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lâm Thanh L hiện cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; nguyên đơn ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Lâm Thanh L phải trả khoản tiền nợ vay ngày 24/5/2022, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng và quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung; Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Tòa án năm 2025 và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên toà mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt nguyên đơn nhưng có mặt người đại diện tham gia phiên toà. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn khởi kiện độc lập, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, cũng không tham gia làm việc, tham gia phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự, người đại diện giao nộp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả, theo mức lãi

suất 0,83%/tháng, từ ngày 25/5/2023 đến ngày 25/8/2025, thời gian 27 tháng với số tiền 112.050.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*). Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được chấp nhận, xem xét.

[5] Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Toà án buộc ông Lâm Thanh L phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền nợ vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), ngày 24/5/2022; để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Toà án chứng cứ là “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 24/5/2022. Quá trình làm việc ông L thừa nhận trước đây ông L có vay ông T số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và các bên có lập “*Giấy mượn tiền*”, đồng thời thừa nhận chữ viết, chữ ký ghi họ tên “*Lâm Thanh L*” tại “*Giấy mượn tiền*” là của ông L. Nên đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Theo ông L mặc dù “*Giấy mượn tiền*” thể hiện số tiền ông L vay ông T là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) nhưng thực tế số tiền ông L chỉ nhận 475.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), còn 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) ông L đã trả tiền lãi tháng đầu tiên. Tuy nhiên, ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời người đại diện của nguyên đơn không thừa nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của ông L.

Theo nguyên đơn sau khi vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) đến nay ông L vẫn chưa hoàn trả cho ông T số tiền này; ông L cũng thừa nhận đến nay ông L vẫn chưa hoàn trả cho ông T số tiền vay. Do đó, yêu cầu của ông T là có căn cứ được chấp nhận.

[6] Theo đại diện nguyên đơn khi vay các bên có thoả thuận lãi suất bằng miệng, mức lãi 25.000.000 đồng/tháng (*Hai mươi lăm triệu đồng*); còn bị đơn ông L cho rằng các bên thoả thuận tiền lãi bằng miệng, với mức lãi suất là 5%/tháng. Do đó, có cơ sở xác định các bên thoả thuận vay tiền 24/5/2022 có thoả thuận trả lãi.

Tuy nhiên, các bên đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mức lãi là bao nhiêu, tại “*Giấy mượn tiền*” cũng không thể hiện. Mặc dù bị đơn cho rằng có trả lãi hàng tháng cho nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; trong khi đại diện nguyên đơn cho rằng mặc dù các bên có

thoả thuận trả lãi nhưng bị đơn không trả. Do đó, không có cơ sở để xem xét việc trả lãi nếu có, có vi phạm pháp luật hay không.

Tại “*Giấy mượn tiền*” có nội dung “... Trong vòng 12 tháng (1 năm) kể từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/5/2023 sẽ hoàn trả lại số tiền mượn trên...”. Do đó, sau ngày 24/5/2023 ông L không hoàn trả cho ông T1 số tiền vay là vi phạm nghĩa vụ. Nên việc ông T yêu cầu ông L phải trả tiền lãi chậm trả là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự; đồng thời các bên không thoả thuận cụ thể mức lãi chậm trả nếu bên vay vi phạm nên việc ông T yêu cầu ông L trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu tính lãi chậm trả của ông T là có cơ sở chấp nhận: Từ ngày 25/5/2023 đến nay 25/8/2025 là 27 tháng x 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 112.050.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

[7] Hợp đồng vay các bên có thoả thuận lãi nên bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng tại phiên toà phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[9] Liên quan trong vụ án nguyên đơn trình bày trước đây khi vay tiền ông L có đưa cho ông T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Chùa L1. Liên quan trong vụ án ông L, Chùa L1 không có yêu cầu hay ý kiến gì nên không xem xét.

[10] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[11] Các đương sự, người đại diện đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung; Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Các Điều 351, 353, 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lâm Thanh L phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền 612.050.000 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*). (Trong đó gồm: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) tiền vay và 112.050.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền lãi chậm trả từ ngày 25/5/2023 đến ngày 25/8/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Phạm Văn T không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho ông T số tiền 17.644.000 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005375, ngày 16/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 17- Lâm Đồng).

Ông Lâm Thanh L phải nộp 28.482.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự, người đại diện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo chấp hành bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- C.C. THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Trường